TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2019/DSST
Ngày 22-11-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST–DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST–DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K**

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần T.A** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn Đ** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh K, Phòng Giao dịch K. Theo Giấy ủy quyền số 1508/UQ-NHKL ngày 18/7/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. (có mặt)

- *Bị đơn:* - Ông **Đỗ Thành S –** sinh năm 1936 (có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1939 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

2. Chị **Đỗ Thị S1** (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: số 156, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1982 (vắng mặt lần 2, không lý do)

4. Chị **Đỗ Thị S2** – sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 399, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh **Đỗ Thành Đ** (vắng mặt lần 2, không lý do)

6. Chị **Phan Thị Y** (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là ông Lê Văn Đ trình bày:***

Vào ngày 30/12/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, Phòng giao dịch K có ký Hợp đồng tín dụng số TS 0106.1/HĐTD với ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P, cụ thể như sau:

- Số tiền vay là 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)

- Mục đích vay: sản xuất 4 ha lúa nước, nuôi 50 heo thịt, thuê, kinh doanh xay xát lúa gạo, xây dựng nhà máy xay xát.

- Thời hạn vay: 4 tháng

- Lãi suất cho vay: 2%/tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 19, 37, 449, 35, tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng: hai lúa, thổ cư, lâu năm khác, tổng diện tích 38.038m^2, được UBND huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy CNQSDĐ số A 762232, ngày 10/4/1993, mang tên ông Đỗ Thành S, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vay vốn, ông S, bà P chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày

28/3/2012 với số tiền lãi là 62.200.000đ. Khi đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và ông bà cũng đã cam kết nhiều lần nhưng đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu ông S, bà P phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 3.972.850.000đ, trong đó: nợ gốc là 1.050.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 23.800.000đ, tiền lãi quá hạn là 2.899.050.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P không trả hoặc trả không dứt nợ thì Ngân hàng yêu cầu được kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông S, bà P để thu hồi nợ.

**** Theo biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Đỗ Thành S trình bày:***

Ông S thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và xác nhận hiện nay vợ chồng ông bà còn nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền gốc là 1.050.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Khi con trai, con gái của ông có gia đình và ra riêng thì ông có cho đất để trồng lúa, cụ thể là cho con rể Nguyễn Văn H 03 công tầm cắt, cho con rể Trần Văn T 06 công tầm cắt, cho con trai Đỗ Thành Đ 06 công tầm cắt. Khi cho đất thì ông có làm giấy tay, nhưng chưa sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, ông S cho rằng đối với việc Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông trả nợ thì do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin hẹn đến tháng 4 năm 2020, vợ chồng ông sẽ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng với tổng số nợ gốc và lãi là 1.400.000.000đ.

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị S2 cùng trình bày:***

Chị S2 là con gái út, còn anh T là con rể của ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P. Vợ chồng anh chị cưới nhau năm 2004, sau đó được ông S, bà P cho 06 công (tầm lớn) đất ruộng để canh tác. Khi cho đất thì giữa ông S, bà P và anh T, chị S2 có làm giấy tay. Từ khi cho đất đến nay thì vợ chồng anh T, chị S2 chưa thể sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông S, bà P sang cho vợ chồng anh chị được. Khi ông S, bà P thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần K để vay tiền thì anh T, chị S2 không hay biết gì. Đến khi vay đươc một thời gian thì vợ chồng anh chị mới biết chuyện.

Tại phiên tòa, chị S2 cho rằng đối với việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu ông S, bà P trả nợ cho Ngân hàng thì chị S2 hẹn đến tháng 4 năm 2020 gia đình sẽ lo trả nợ gốc cho Ngân hàng và xin trả dần phần lãi, vì ông S, bà P đã lớn tuổi, sức khỏe yếu. Trong trường hợp gia đình không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì chị S2 không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản và chị cũng không làm đơn khởi kiện ông S, bà P hay Ngân hàng Thương mại K để yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi.

**** Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:***

Vào năm 1999, ông S, bà P là cha mẹ vợ của anh, có cho vợ chồng anh H, chị S1 diện tích đất 3.888m^2, tương đương 03 công đất tầm lớn, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 762232, được Ủy ban Nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 10/4/1993, mang tên ông Đỗ Thành S, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Kiên Giang. Khi đó, giữa các bên chỉ nói miệng chứ không có làm giấy tờ gì. Khi ông S, bà P vay số tiền 1.050.000.000đ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì anh có biết và anh cũng biết việc ông S, bà P thế chấp quyền sử dụng toàn bộ các thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 762232 ngày 10/4/1993, trong đó có phần đất của vợ chồng anh chị vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần K để đảm bảo cho khoản vay trên.

Nay anh H cho rằng trong trường hợp ông S, bà P không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì anh H đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi phần đất mà ông S, bà P đã cho vợ chồng anh chị để thu hồi nợ.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị S1, anh Đỗ Thành Đ và chị Phan Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên bà P, chị S1, anh Đ và chị Y không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Đỗ Thành S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị S2 có tham gia phiên tòa; anh T, anh H có lời khai tại Tòa án và anh H có đơn xin vắng mặt; riêng bị đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị S1, anh Đỗ Thành Đ và chị Phan Thị Y chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 3.972.850.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ nếu ông S, bà P không tự nguyện thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- **Về thủ tục tố tụng**: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Đỗ Thị S1, anh Trần Văn T, anh Đỗ Thành Đ và chị Phan Thị Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P, chị S1, anh T, anh Đ và chị Y vắng mặt không có lý do, riêng anh H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền

của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, anh H, chị S1, anh T, anh Đ và chị Y. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn H, chị Đỗ Thị S1, anh Trần Văn T, anh Đỗ Thành Đ và chị Phan Thị Y.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] Xét thấy, Hợp đồng Tín dụng số TS 0106.1/HĐTD ngày 30/12/2011 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và hợp đồng này có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Tòa án công nhận Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P là hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét thấy, ngày 30/12/2011 Ngân hàng Thương mại Cổ phần K – Chi nhánh R, phòng Giao dịch K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P ký kết Hợp đồng Tín dụng số TS 0106.1/HĐTD để cho ông S, bà P vay số tiền gốc là 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình vay vốn, ông S, bà P chỉ thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 28/3/2012 với số tiền lãi là 62.200.000đ. Khi đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và ông bà cũng đã cam kết nhiều lần nhưng đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông S, bà P phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 3.972.850.000đ, trong đó: nợ gốc là 1.050.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 23.800.000đ, tiền lãi quá hạn là 2.899.050.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, bị đơn ông Đỗ Thành S cũng thừa nhận là hiện nay vợ chồng ông bà còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 1.050.000.000đ và tiền lãi phát sinh, nhưng xin hẹn đến tháng 4 năm 2020 sẽ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi là 1.400.000.000đ.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bị đơn ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khi đến hạn.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu tính lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 22/11/2019 và lãi phát sinh đến khi

thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất, nên Ngân hàng yêu cầu ông S, bà P phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của ông Đỗ Thành S cho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên xin hẹn đến tháng 4 năm 2020 vợ chồng ông bà sẽ thanh toán hết nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi là 1.400.000.000đ,

Xét thấy, trong quá trình vay ông S, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hai bên đã ký kết, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không đồng ý với yêu cầu của ông S. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông S.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, buộc ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 3.972.850.000đ (trong đó: nợ gốc là 1.050.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 23.800.000đ, tiền lãi quá hạn là 2.899.050.000đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Căn cứ theo quy định tại Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 56, 58, 59, 63 và 66 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm,

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số TS 0106/HĐTC ngày 30/12/2011, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P đúng theo quy định của pháp luật; nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đồng ý để Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phát mãi tài sản thế chấp nhằm thu hồi nợ nếu ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P không trả được nợ cho Ngân hàng; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị S2 tuy không đồng ý để Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phát mãi tài sản nhưng anh chị cũng không làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng anh chị nên Hội đồng xét xử

không có cơ sơ để xem xét.

Vì vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không phải chịu án phí,

Ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P được miễn nộp tiền án phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 146, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9, Điều 12, Điều 25 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P.

2. Buộc ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/11/2019 là 3.972.850.000đ, trong đó: nợ gốc là 1.050.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 23.800.000đ và tiền lãi quá hạn là 2.899.050.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng Tín dụng số TS

0106.1/HĐTD ngày 30/12/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TS 0106/HĐTC ngày 30/12/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 762232, ngày 10/4/1993, mang tên ông Đỗ Thành S, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Kiên Giang cho ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Ông Đỗ Thành S, bà Nguyễn Thị P được miễn nộp tiền án phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 50.404.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003522 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Đỗ Thị S1, anh Trần Văn T, anh Đỗ Thành Đ và chị Phan Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo